

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07- 6-2022  
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Khúc Trọng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Cao Văn Tân

Bà Đặng Thị Đôi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 02 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Ngô Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt,

nuôi dạy, chăm sóc con chung và anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị L và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 01 con chung là Lê Kim Ngọc H, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013, trường hợp ly hôn chị L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L tự thỏa thuận với anh T, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L đề tự thỏa thuận với anh T, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh T vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị L và anh Lê Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị L được ly hôn anh T. Về con chung, giao con là Lê Kim Ngọc H cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị L đề nghị để tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị L đề nghị để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Ngô Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để anh T có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc chị Ngô Thị L có đơn xin ly hôn nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Lê Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị L và anh Lê Văn T được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, nuôi dạy, chăm sóc con chung và trong công việc làm ăn kinh tế không thống nhất dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T phù hợp với lời khai của chị L. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Lê Kim Ngọc H sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013. Trường hợp ly hôn chị L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H vì hiện nay cháu H đang sống cùng chị và chị vẫn đảm bảo việc chăm sóc cháu phát triển tốt về mọi mặt. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay cháu H đang sống cùng chị L, chị L có công việc và thu nhập đảm bảo để có thể nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt, đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Ngô Thị L. Anh T không có mặt và không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị L, giao cháu Lê Kim Ngọc H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị L đề nghị để tự thỏa thuận với anh T, do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T cho đến khi chị L có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; anh T vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Kim Ngọc H, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013 cho chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lê Văn T cho đến khi chị L có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0001666 ngày 08/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị L, anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã M, huyện K ;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khúc Trọng Quang**